

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-PT  
Ngày: 23-8-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Quang

*Các Thẩm phán:* Ông Dương Lê Bửu Thiện;

Ông Trần Phương Đông.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh  
Đồng Nai

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:** Bà Vũ Thị Mỹ Liên  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai  
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2022/TLPT-HNGĐ ngày 14  
tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 44/2022/HNGĐ-ST ngày  
05-5-2022 của Tòa án nhân dân huyện Lbị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2022/QĐ-PT  
ngày 26 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số:  
47/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2022; giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Tô Thị Ngọc V, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số ABC, Tổ F, Ấp 2, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

*Bị đơn:* Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Tổ XC, Khu N, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T:* Ông Võ Tuấn Ng –  
Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai; địa chỉ: Lầu Z, Số XCV, đường Lê  
Duẩn, Tổ S, khu Ph, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

### **1. Nội dung chính:**

*\* Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Tô Thị Ngọc V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã L, huyện L cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30 tháng 11 năm 2018.

Trong cuộc sống vợ chồng luôn cãi nhau không thống nhất với nhau về nơi ở của hai vợ chồng, anh T muốn chị ở chung trong gia đình chồng nhưng lại không cho chị về nhà cha mẹ ruột, khi chị xin phép mẹ chồng về nhà tại Ấp 2, xã L thì không muốn cho về trong khi gia đình cách nhau không xa. Khi chung sống tại gia đình chồng, vợ chồng cũng có nhiều mâu thuẫn với nhau và mâu thuẫn với gia đình chồng từ tháng 12-2019. Thời gian vợ chồng chung sống tại nhà anh T có phát sinh mâu thuẫn do giữa chị và gia đình chồng như mẹ chồng, anh chị chồng hay có những ý kiến khác nhau nhưng không phải nói chuyện chỉ bảo mà luôn coi chị làm việc gì cũng sai nên cuộc sống ngọt ngạt, anh T lại không thông cảm quan tâm đến chị, chuyện gì cũng kêu chị nhường nhịn dù chị không có gì sai. Vào tháng 7-2021, chị xin phép về nhà cha mẹ ruột vì hai vợ chồng đang cãi nhau nhưng không cho chị về, chị có nhờ người nhà đến chở về thì không cho chở cả con theo nên có xảy ra tranh cãi giữa hai bên gia đình và bên gia đình chị có báo địa phương xã L vào giải quyết. Đến tháng 8-2021, khi cha mẹ chị chết thì anh T nói không cho gia đình chồng xuống thấp nhang do sợ bị dịch bệnh nhưng cho đến nay chị đã nộp đơn xin ly hôn cũng không ghé xuống thấp nhang trong khi là sui gia với nhau mà anh lại cho rằng dịch bệnh không nên ghé. Từ lúc chị sống tại nhà chị từ tháng 7-2021 đến nay anh cũng không cho chị đưa đón con, thăm nom con và không quan tâm đến chị. Thời gian chị bị bệnh té gãy tay cần anh quan tâm chăm sóc nhưng cũng không có.

Sau khi làm việc tại Tòa án thì anh T cũng không có gì thay đổi, hứa cho con về ở chơi và ngủ lại cuối tuần nhưng anh không cho, chỉ thỉnh thoảng chở con ghé chỗ chị chơi xong lại đưa con về. Khi chị đến thăm con tại nhà anh thì gia đình anh gây khó khăn và cũng không cho chị đón con về nhà chơi cùng.

Trong thời gian sống ly thân cho đến nay thì chị và anh T cũng không bàn bạc đoàn tụ gì được với nhau. Nếu tòa giải quyết không cho chị ly hôn thì chị cũng không thể nào tiếp tục chung sống với anh T được. Thời gian qua cũng không thể nói chuyện bàn bạc gì với nhau vì anh T cũng không thấy mình có lỗi, anh vẫn cứ gọi điện, nhắn tin làm phiền chị, nhất là thời gian ban đêm nên chị không nghe máy, sau này chị gọi thăm con thì anh cũng không nghe điện thoại.

Trước đây, chỉ thỉnh thoảng chở con ghé chỗ chị ở chơi xong lại đưa con về nhưng thời gian sau này từ trong tết âm lịch năm nay thì anh không còn đưa con xuống chơi nữa mà chỉ có chị lên thăm con. Thời gian trước, khi chị đến thăm con tại nhà anh thì gia đình anh gây khó khăn và cũng không cho chị đón con, thời gian gần đây chị lên thăm con bình thường nhưng vẫn không được đón con về.

Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về con chung: Có một con chung tên Huỳnh Tô Bảo A, sinh ngày 02-11-2019, từ tháng 7-2021 đến nay khi xảy ra mâu thuẫn, chị về nhà chị sinh sống muốn đưa con về cùng thì anh T không cho, chị sợ giành giật gây nguy hiểm cho con nên phải để con ở lại dù con còn rất nhỏ, anh chỉ cho chị lên thăm mà không cho chị đưa đón con.

Tòa án mời làm việc, lúc đầu anh T muốn nuôi con, chị đồng ý vì anh hứa cho chị được đưa đón con về ngủ cùng với chị vào ngày cuối tuần 1 hoặc 2 đêm nhưng đến nay anh không thực hiện. Con gái còn nhỏ chưa giải quyết việc chị xin ly hôn mà anh T và gia đình anh đã không cho chị đón con về, nếu có ly hôn rồi làm sao chị có thể được đưa đón con về ở với mình. Anh T không cho chị được chăm sóc, đưa đón con, chị muốn con ngủ lại với chị nhưng anh T nói như ra điều kiện với chị khi nào rút đơn ly hôn, về ở chung lại mới được.

Do đó, chị muốn được nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Chị bán quán nước và nhận làm thêm kế toán hợp đồng thu nhập trung bình 16.000.000 đồng/tháng, nay bán quán nước ổn định nên tổng thu nhập bình quân khoảng 26.000.000 đồng/tháng.

Anh T muốn nuôi con thì chị không đồng ý vì trước anh hứa cho chị được đưa đón con về ngủ cùng với chị nhưng đến nay anh cũng không thực hiện. Từ lúc sống ly thân đến nay anh chưa cho chị được đón con về ở lại ngủ với mẹ ngày nào. Con chị còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ mà anh T ngăn cản không cho, chị là mẹ, cũng có quyền được chăm sóc nuôi dưỡng con mình và là con gái sau này sẽ phù hợp tâm sinh lý của con hơn. Chị bán quán nước có thời gian chăm con cũng có người nhà phụ chăm sóc, đề nghị Tòa án xem xét cho chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

\* *Tại các bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Huỳnh Thanh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn chị V do anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị V, không muốn con cái không có cha mẹ đầy đủ và muốn được sống chung nhà với nhau.

Khi chị V đi về nhà cha mẹ chị khi đang giãn cách xã hội thì hai bên gia đình cũng có hiểu lầm nên bên chị V báo Công an xã Lnhưng họ chỉ đến mời anh và anh nghĩ chuyện gia đình nên anh không đi và hai ngày sau chị V lên xã báo anh giữ con, đuổi chị ra khỏi nhà nhưng sự việc không có như vậy. Sau đó, cha mẹ chị V mất vào tháng 8-2021, anh có nói cha mẹ anh là từ từ đến thấp nhang do đang dịch bệnh, đến nay do còn dịch bệnh nên cha mẹ anh chưa đến thấp nhang được nhưng chị V cứ trách móc.

Sau khi làm việc tại Tòa án thì anh có nói với ba mẹ anh xuống nhà chị V thấp nhang cho ba mẹ chị nhưng gia đình chị V không cho xuống nhà. Đến ngày 28 âm lịch tết năm nay anh có chở quà tết là mai về nhà chị V nhưng gia đình chị V không cho anh vào nên anh phải đi về. Hai vợ chồng cũng không nói chuyện được với nhau do anh muốn nói chuyện nhưng chị V không nghe điện thoại cũng không muốn gặp nên chưa bàn bạc gì để đoàn tụ được. Anh cho rằng giữa vợ chồng không có gì mâu thuẫn chỉ là mâu thuẫn từ phía gia đình anh và chị V. Chị V cho rằng anh không quan tâm, chăm sóc chị khi chị bệnh, bị gãy tay là không đúng, do anh có hỏi nhưng chị V nói không cần anh lo.

Hướng bàn bạc đoàn tụ của anh là anh về ở chung với chị V nhưng chị không chịu. Trong thời gian sống ly thân anh cũng không đến để bàn bạc đoàn tụ về sống chung vì anh nghĩ vợ chồng cần thời gian suy nghĩ và cũng do dịch bệnh anh không muốn qua lại dưới nhà chị V sợ ảnh hưởng đến con gái anh. Anh nhận thấy vợ chồng cũng không có mâu thuẫn gì, chỉ từ việc mâu thuẫn giữa mẹ anh và chị V, anh là con, là chồng ở giữa nên cũng khó để nói qua lại cho ai, anh chỉ nói với vợ mình là con cái nên nhin nghe lời mẹ nhưng chị V thì cứ suy nghĩ và thấy không hài lòng trong thời gian sống chung tại nhà chồng. Sau nhiều chuyện xảy ra thì anh cũng đưa ra phương án đoàn tụ là chị V rút đơn để vợ chồng cùng nuôi dạy con cái nhưng chị không chịu mãi cho đến nay. Anh cũng muốn về ở chung với chị V nhưng chị không đồng ý, anh có nhắn tin gọi điện nhiều lần cho chị mà chị không nghe máy không trả lời nên thời gian sau này khi chị gọi lại anh cũng không muốn nghe để chị V hiểu cảm giác khi anh gọi mà chị không nghe máy là thế nào.

Nay anh muốn về ở chung với chị V nhưng chị nhất quyết không chịu, anh vẫn còn tình cảm với chị V và muốn đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn với chị V. Nếu chị cương quyết ly hôn thì anh cũng không biết phải làm sao. Anh đề nghị Tòa án không cho ly hôn để anh chị có thêm thời gian hàn gắn.

Về con chung: Có một con chung tên Huỳnh Tô Bảo A, sinh ngày 02-11-2019. Chị V yêu cầu nuôi con anh không đồng ý vì chị bận buôn bán suốt không có thời gian chăm con, anh muốn nuôi con chung do thời gian qua cháu vẫn ở với gia đình anh có người nhà phụ giúp. Anh T yêu cầu nuôi con không yêu cầu chị V cấp dưỡng. Nếu chị V được nuôi con, anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Chị V cung cấp bảng lương làm kế toán anh đề nghị Tòa án xem lại vì khi sống chung anh không thấy chị làm, nay chị có làm chỉ là thu nhập thêm không ổn định, nếu ổn định thì phải có đăng ký bảo hiểm xã hội mới đúng.

Trước đây, chị V yêu cầu được đưa đón con về ngủ cùng với chị vào ngày cuối tuần 1 hoặc 2 đêm và sẽ đưa con cho lại cho anh vào chủ nhật cuối tuần để anh chăm sóc con thì anh đồng ý nhưng đến nay anh chưa thực hiện vì anh muốn cả nhà cùng chung sống với nhau. Hiện tại vẫn sống riêng nên anh không cho con ngủ lại với chị V được. Anh chỉ cho con đến chơi và chở về trong ngày chứ không cho ở lại vì anh muốn chị V rút đơn thì anh mới cho con về ở chung. Hôm mừng 4 tết âm lịch năm nay chị của chị V không cho 02 cha con anh xuống chỗ chị V nên anh không chở con xuống nữa.

Anh cũng chỉ mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng xây dựng gia đình nên anh mới nói chị V rút đơn, con hiện đang ở với anh nên anh không muốn đưa về ở với chị V. Khi vợ chồng đoàn tụ thì con cái chị muốn đưa rước nuôi dưỡng thế nào cũng được.

## ***2. Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:***

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 44/2022/HNGĐ-ST ngày 05-5-2022 của Tòa án nhân dân huyện Lã quyết định:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án.

### ***Tuyên xử:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tô Thị Ngọc V về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Huỳnh Thanh T, xử cho chị Tô Thị Ngọc V được ly hôn anh Huỳnh Thanh T.

Về con chung: Giao cháu Huỳnh Tô Bảo A, sinh ngày 02/11/2019 cho chị Tô Thị Ngọc V trực tiếp nuôi dưỡng, anh Huỳnh Thanh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).



Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, quyền được thăm nom chăm sóc con chung, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

### **3. Về kháng cáo:**

Trong thời hạn kháng cáo, bị đơn anh Huỳnh Thanh T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tô Thị Ngọc V, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung.

### **4. Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn anh Huỳnh Thanh T:**

Cháu Huỳnh Tô Bảo A sống với ông bà nội từ nhỏ, kể từ khi chị V bỏ thì đi cho đến nay cháu V được anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T là người được hưởng rất nhiều tài sản của cha mẹ vì anh là con út trong gia đình nên anh có đủ điều kiện để nuôi con. Để tránh sự xáo trộn về tâm lý của cháu A đề nghị Hội đồng xét xử giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

### **5. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Về chấp hành pháp luật tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về trình tự phiên tòa phúc thẩm.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự: các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Quan điểm đối với việc kháng cáo:*

Qua lời trình bày của chị V, anh T nhận thấy trong sinh hoạt gia đình chị V không hòa hợp, có sự va chạm với cha mẹ, anh em bên gia đình chồng. Chị V mong muốn nhận được sự chia sẻ, thấu hiểu từ anh T song anh T lại cho rằng những sự việc đó là nhỏ nhặt, không đáng kể, từ đó giữa chị V và anh T không tìm được Tg nói chung trong những vấn đề khác nên hay xảy ra cãi vã lẫn nhau. Cho thấy, giữa hai anh chị đã tồn tại mâu thuẫn nhưng chưa được giải quyết. Sự việc mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn khi cha mẹ chị V mất do dịch Covid 19 nhưng chị V không nhận được sự chia sẻ, an ủi từ phía anh T cũng như gia đình anh T. Khi vợ chồng sống ly thân, thay vì tìm hướng giải quyết mâu thuẫn, anh T lại ngăn cản chị V được gặp con, đưa ra điều kiện chị V muốn được gặp con thì phải rút đơn xin ly hôn. Điều này cho thấy, tuy anh T trình bày còn tình cảm với chị V, không đồng ý ly hôn nhưng anh T bế tắc trong việc đưa ra hướng hòa

giải, đoàn tụ nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị V, cho chị V ly hôn với anh T là có cơ sở.

Về con chung: anh T và chị V có một con chung là cháu Huỳnh Tô Bảo A sinh ngày 02/11/2019. Cả anh T và chị V đều có nguyện vọng nuôi con và cả hai đều có điều kiện nuôi con như nhau. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm cháu A dưới 36 tháng tuổi, nên cấp sơ thẩm giao cho chị V nuôi dưỡng là đúng quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Tại cấp phúc thẩm, anh T giao nộp “Đơn xin xác nhận về việc là nười trực tiếp nuôi dưỡng con”. Theo nội dung đơn, anh trình bày anh là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh từ khi chị V bỏ nhà đi từ năm 2021, vì chị V bỏ nhà đi nên tình cảm giữa chị V và cháu Anh rất hời hợt, tình cảm mẹ con không có. Về vấn đề này nhận thấy, hồ sơ thể hiện khi chị V về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh T thì anh T ngăn cản không cho chị V đưa cháu A về sống cùng chị 1-2 ngày, chị V đã báo chính quyền địa phương, cán bộ Hội bảo vệ bà mẹ và trẻ em xã Lđã đến nhà anh T động viên anh T cho chị V được đón con về ở cùng 1-2 ngày nhưng anh T không đồng ý. Vì vậy, việc chị V không được gần gũi, chăm sóc con khi vợ chồng sống ly thân là do bị anh T ngăn cản. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu A cho chị V nuôi dưỡng là phù hợp, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của anh T về việc giao con chung cho anh T nuôi dưỡng.

Vì những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của anh Huỳnh Thanh T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 44/2022/DS-ST ngày 05-5-2022 của TAND huyện Long Thành.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo

Bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn nên được xem xét.

[2] Về nội dung

*2.1 Về quan hệ hôn nhân*

Anh T và chị V chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện L cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 137/2018 ngày 30-11-2018 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Trong thời gian chung sống, anh T và chị V đã nảy sinh mâu thuẫn, chị V và gia đình chồng có nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục nên chị V yêu cầu

được ly hôn, anh chị đã sống ly thân thời gian dài nhưng không thể hàn gắn; quá trình giải quyết, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng các bên không thể tiếp tục sống chung với nhau; tại phiên tòa chị V vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh chị là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết cho anh T và chị V ly hôn là có căn cứ, đúng pháp luật.

## 2.2 Về con chung

Anh T và chị V có 01 con chung tên Huỳnh Tô Bảo A, sinh ngày 02/11/2019, cả anh T và chị V đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung.

Anh T kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh và cung cấp đơn xác nhận hiện con chung do anh nuôi dưỡng kể từ khi anh chị sống ly thân.

Xét thấy, cháu Anh dưới 36 tháng tuổi, giới tính: Nữ, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Chị V khởi kiện cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh hiện nay có đủ điều kiện về thu nhập, nơi ở để nuôi con, giữa anh T và chị V không có thỏa thuận nào khác về việc nuôi con chung. Bản thân chị V không có hành vi bạo hành con, không bị hạn chế quyền của mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định tại Điều 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm đã xác minh tại cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em thể hiện: Anh T có hành vi ngăn cản việc chị V đi lại, thăm nom con chung và có ý kiến đề nghị Tòa án giao con cho chị V nuôi dưỡng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao con cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, kháng cáo của anh Huỳnh Thanh T về việc sửa bản án sơ thẩm là không có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không có xem xét.

[3] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.



[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Huỳnh Thanh T;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 44/2022/HNGĐ-ST ngày 05-5-2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành;

Áp dụng các Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tô Thị Ngọc V về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Huỳnh Thanh T,

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị Ngọc V được ly hôn anh Huỳnh Thanh T.

1.2 Về con chung: Giao cháu Huỳnh Tô Bảo A sinh ngày 02-11-2019 cho chị Tô Thị Ngọc V trực tiếp nuôi dưỡng, anh Huỳnh Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Việc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày chị V có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng tại thời điểm thanh toán.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

Án phí phúc thẩm: Anh Huỳnh Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005727 ngày 16-

5-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Anh T đã nộp đủ án phí.

**3.** Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**4.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKS nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện L;
- Chi Cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa Gia đình và người chưa thành niên; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Quang**



**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 75:**

- (1) và (5) Ghi tên Tòa án xét xử phúc thẩm. Nếu là Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ); nếu là Tòa án nhân dân cấp cao, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố nào (ví dụ: Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng).
- (2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh thương mại năm 2017 có số 10 thì ghi: Số 10/2017/KDTM-PT).
- (3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử phúc thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử phúc thẩm trong nhiều ngày.
- (4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).
- (6) Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán.
- (7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).
- (8) Nếu có Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.
- (9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).
- (10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.
- (11) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Trường hợp nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.
- (12) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...”. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức, thì ghi họ tên, chức vụ của người đó.
- (13) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.
- (14) và (17) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (11).
- (15) và (18) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (12).
- (16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(20) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(21) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(23) Ghi họ tên và tư cách tham gia tố tụng của người kháng cáo.

(24) Ghi người có thẩm quyền kháng nghị (ví dụ: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam).

(25) Trong phần này ghi tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm; nội dung kháng cáo, kháng nghị.

(26) Trong phần này, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá nhận định về kháng cáo, kháng nghị, các tình tiết của vụ án, việc giải quyết, xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm, những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) mà Tòa án viện dẫn, áp dụng; nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng để chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giải quyết các vấn đề khác có liên quan.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Hội đồng xét xử phúc thẩm về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí sơ thẩm, phúc thẩm, chi phí tố tụng (nếu có). Trường hợp xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì Tòa án phải giải quyết vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy và ghi rõ trong bản án. Ghi rõ bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

**Nơi nhận:**

- Ghi theo quy định tại Điều 315 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*